

## BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Ngày 30/09/2026 / As at 30 Sep 2026

|   |                                                      |                                                                                                   |
|---|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Tên Công ty Quản lý Quỹ:<br>Fund Management Company: | Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam<br>KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd                     |
| 2 | Tên Ngân hàng Giám sát:<br>Supervising bank:         | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam<br>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam |
| 3 | Tên Quỹ ETF:<br>Fund name:                           | Quỹ ETF KIM GROWTH VN30<br>KIM GROWTH VN30 ETF                                                    |
| 4 | Mã chứng khoán:<br>Code:                             | FUEKIV30<br>FUEKIV30                                                                              |
| 5 | Ngày lập báo cáo:<br>Reporting date:                 | 01/10/2026<br>01 Oct 2026                                                                         |

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT<br>No | CHỈ TIÊU<br>Criteria                                     | Mã số<br>Code | KỲ NÀY<br>THIS PERIOD<br>30/09/2026 | KỲ TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>29/09/2026 |
|-----------|----------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 1         | Giá trị tài sản ròng / Net asset value                   |               |                                     |                                       |
| 1.1       | Của quỹ ETF/Per Fund                                     |               | 2.369.277.457.795                   | 2.378.676.868.238                     |
| 1.2       | Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate |               | 1.303.950.169                       | 1.309.123.207                         |
| 1.3       | Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate               |               | 13.039,50                           | 13.091,23                             |

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Authorised Representative of Supervisory Bank



TRƯƠNG TRUNG TÂM

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ  
Authorised Representative of Fund Management Company



Hyun Dongsik  
CHỦ TỊCH HĐQT

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam